

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 29-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 29/2024/TB-TA ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2000 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: TDP T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 và bà Hoàng Thị T; vợ là Ngô Thị L, có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 30/05/2023 đến ngày 7/6/2023 chuyển sang tạm giam. Có mặt.

Bị hại: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1958; nơi thường trú: Tổ Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số 22 ngõ 72 N, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Đào Thị G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2022, Vũ Văn T và chị Đào Thị G (sinh năm 1995, nơi thường trú: thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện tại: khu 2 T, huyện A, thành phố Hải Phòng) có quan hệ tình cảm yêu đương. Lúc này, T giới thiệu bản thân tên là Vũ Hùng H, sinh năm 1993, nhà ở quận Đ, thành phố Hải Phòng và đang độc thân. Đến khoảng tháng 6 năm 2022, chị G đã nhờ T tìm nhà để ở và mở quán Spa ở khu vực quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. T đã tìm và dẫn G đến xem căn nhà số 14/A2 đường Đ, phường V, quận K, Hải Phòng của bà Trịnh Thị H (sinh năm 1958, nơi thường trú: Đ, phường V, quận K, Hải Phòng; nơi ở: tổ 9 phường L, quận K, Hải Phòng). Khi làm việc với bà H, T cũng nói dối với bà H tên là Vũ Hùng H, còn G là vợ của T, G sẽ là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà. Hai bên thống nhất giá chuyển nhượng căn nhà trên là 1.460.000.000 đồng. Sau đó, G đã chuyển khoản cho bà H số tiền 300.000.000 đồng và chuyển khoản cho T số tiền 250.000.000 đồng để trả tiền nhà cho bà H. Vì G chưa đủ tiền mua nhà nên đã thống nhất với bà H, sau khi hoàn thành thủ tục sang tên căn nhà trên thì G sẽ thế chấp tài sản để trả nốt bà H số tiền còn lại. Tuy nhiên, do bà H cũng đang thế chấp căn nhà trên tại Ngân hàng Quân Đội, nên T đã giới thiệu bà H vay số tiền 421.000.000 đồng của bà Trương Thị L (sinh năm 1969, nơi cư trú: số 248 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng) để tất toán khoản vay tại Ngân hàng Quân Đội. Sau đó, bà H đã sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho G để G thế chấp vay số tiền 900.000.000 đồng tại Ngân hàng Bản Việt tại số 328 T, quận L, thành phố Hải Phòng. Ngày 17/10/2022, sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền trên thì G và T thống nhất để T cầm toàn bộ số tiền trên thanh toán cho bà H và khoản vay khác. Trong đó, trả bà Trương Thị L số tiền 130.000.000 đồng (G vay để chi phí sang tên căn nhà và các phát sinh khác); trả bà L số tiền 421.000.000 đồng mà bà H đã vay trước đó; T chuyển khoản và đưa tiền mặt cho bà H tổng số tiền 309.000.000 đồng. Như vậy, T vẫn giữ lại số tiền 300.000.000 đồng mà G đã đưa cho để trả tiền mua nhà cho bà H và G không biết việc này. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của bà H, T đã nói dối bà H cho nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng, đồng thời dặn bà H không nói cho G biết việc T chưa trả bà H số tiền này. Ngày 18/10/2022, T viết giấy vay nợ với thông tin cá nhân là Vũ Hùng H, sinh năm 1993, số CCCD: 031093001369 do Cục Cảnh sát cấp ngày 01/8/2018, địa chỉ thường trú: TDP Đ, phường H, quận Đ, TP Hải Phòng mục đích chiếm đoạt của bà H số tiền 300.000.000 đồng tại nhà bà H ở số 14/A2 đường Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. T hẹn ngày trả nợ là 18/01/2023, nhưng thực tế T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Mục đích T sử dụng thông tin cá nhân giả tên là Vũ Hùng Huy nêu trên để sau này bà H sẽ không tìm được T. Do bà H chưa viết giấy biên nhận tiền mua nhà cho G vì G còn

thiếu số tiền 130.000.000 đồng. Để tạo sự tin tưởng cho bà H và để bà H không nói cho G biết về số tiền 300.000.000 đồng chưa trả cho bà H, T đã trả cho bà H 02 tháng tiền lãi. Đến ngày 10/12/2022, khi G chuyển khoản thanh toán nốt số tiền 130.000.000 đồng cho bà H thì bà H đã viết giấy biên nhận cho G là đã nhận đủ của G số tiền 1.460.000.000 đồng (vì tin tưởng T lên bà H mới viết giấy biên nhận này, thực tế bà H mới nhận đủ số tiền 1.160.000.000 đồng) để G không biết việc T nợ bà H số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi hoàn tất việc mua nhà, T vứt sim điện thoại đã dùng liên lạc với bà H, nên bà H không thể liên lạc được với T để T chiếm đoạt của bà H số tiền 300.000.000 đồng. Khi bà H đến tìm G thì lúc này G mới biết toàn bộ nội dung sự việc trên.

Ngày 10/3/2023, bà H gửi đơn trình báo đến Công an quận K về sự việc nêu trên, đồng thời giao nộp Giấy vay tiền có chữ viết, chữ ký của T.

Tại Kết luận giám định số 114/KL-KTHS(TL) ngày 31/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết từ dòng “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” đến dòng “Người vay Người cho vay” trên Giấy vay tiền so với chữ viết của Vũ Văn T là do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Hùng H tại mục “Người vay” trên Giấy vay tiền so với chữ ký, chữ viết Vũ Hùng H do Vũ Văn T ký, viết ra do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 30/5/2023, Vũ Văn T đã đến Công an quận K đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung trên. Sau khi nhận được tiền của G đưa thì T không thanh toán hết cho bà H mà giữ lại 300.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Sau đó, T đã sử dụng thông tin cá nhân giả tên là Vũ Hùng H, sinh năm 1993, số CCCD: 031093001369 do Cục Cảnh sát cấp ngày 01/8/2018, địa chỉ thường trú: TDP Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng để viết giấy vay số tiền 300.000.000 đồng của bà H Mục đích để bà H không tìm thấy T và T sẽ chiếm đoạt số tiền này. Sau đó, T đã vứt bỏ sim điện thoại, cắt liên lạc với bà H để bà H không tìm được T. G không biết việc T chưa trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà H. Trước khi đầu thú thì T đã chuyển khoản cho chị G số tiền 250.000.000 đồng để trả cho bà H và tác động gia đình trả lại bà H số tiền 50.000.000 đồng còn thiếu.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSKA ngày 16 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng, và trình bày Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ: 10 – 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Vũ Văn T.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Kiến An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại là bà Trịnh Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bà Trịnh Thị H.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/10/2022, tại số nhà 14/A2 đường Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, với mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của bà Trịnh Thị H, bị cáo Vũ Văn T có hành vi nói dối bà H là muốn vay số tiền 300 triệu đồng (là số tiền mà chị G đưa cho T để trả tiền mua nhà của bà H) đồng thời trả trước cho bà H 2 tháng tiền lãi để bà H tin và đã viết giấy cho T vay 300.000.000đ, khi viết giấy vay nợ, T đã sử dụng thông tin cá nhân giả (sử dụng căn cước công dân giả với tên là Vũ Hùng Huy để thực hiện giao dịch đối với bà H) và nói với bà H là không cho chị G biết về việc T vay lại bà H số tiền 300.000.000đ này. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 300.000.000đ của bà H, T rút sim điện thoại để bà H không liên lạc được và

đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết định khung hình phạt:*

[3] Số tiền bị cáo T chiếm đoạt được của bà H là 300.000.000đ nên bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[5] Về nhân thân: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 250.000.000đ và đã tác động đến gia đình bồi thường 50.000.000đ cho người bị hại; bị hại đã nhận được toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo T đã ra đầu thú; bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng được thưởng huân chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- *Về hình phạt:*

[8] Căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T và ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp trước khi bị bắt nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

- *Về bồi thường dân sự:*

[10] Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 250.000.000đ và đã tác động đến gia đình bồi thường 50.000.000đ cho người bị hại, bà H không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:*

[11] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- *Về các vấn đề khác:*

[12] Đối với hành vi Vũ Văn T đã sử dụng căn cước công dân giả để nộp hồ sơ xin việc cũng như làm thẻ tín dụng tại một số Ngân hàng tại thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng sau đó bị cáo T đã làm mất. Hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An không thu giữ được căn cước công dân này nên chưa có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An đã tách hành vi sử dụng giấy tờ giả và chuyển các tài liệu có liên quan về hành vi trên đến các Cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp tục điều tra làm rõ là có căn cứ.

Đối với đối tượng đã làm căn cước công dân giả cho T, hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với chị Đào Thị G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An xác định G không biết và không liên quan đến việc Vũ Văn T chiếm đoạt tài sản của bà H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với việc cho vay lãi của bà Trịnh Thị H và bà Trương Thị Lan, tài liệu điều tra thể hiện lãi suất cho vay phù hợp với quy định pháp luật, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T: **10 (Mười) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2023.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Vũ Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Cơ quan điều tra Công an quận Kiến An;
- Cơ quan THAHS Công an quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lã Anh Tuấn Hoàng Thị Chính

Phạm Thị Ngọc Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND huyện Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam Công an huyện Thủy Nguyên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp huyện Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

Phiếu gửi bảo đảm bản án hình sự sơ thẩm số 88 ngày 14/7/2022 (Phùng Hoài Ngọc – TK Hằng)

- TAND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số 1, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 241 VN

- VKSND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số 9, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 238 VN

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao; địa chỉ: Số 48 Lý Thường Kiệt, Ba Đình, Hà Nội. RG 186 302 255 VN